

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/DS –ST
Ngày 28-6-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Mẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hậu

2. Bà Phạm Thị Bích Vân

Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Tuấn Kiệt** – Thẩm tra viên Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà **Hồ Thị Huệ Sương**-Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2017/TLST – DS ngày 12/5/2017 về *tranh chấp hợp đồng vay tài sản*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐST-DS ngày 12/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm 1967; nơi đăng ký thường trú: Khu vực X, phường C, quận O, thành phố Cần Thơ. Có mặt

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Khu vực H, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn T**, sn 1957; nơi cư trú: Khu vực H, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người làm chứng: Bà **Lê Thị Thu S**, sinh năm: 1967; nơi cư trú: Khu vực Y, phường C, quận O, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nhau, nên từ khoảng năm 2009 đến năm 2014, bà T có cho bà H vay nhiều lần với số tiền vốn gốc là 73.000.000 đồng, lãi suất 100.000đ/ngày, mỗi tháng trả bà H phải trả vốn gốc 1.500.000 đồng. Tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện, thì số nợ này bà H chỉ trả cho nguyên đơn được 03 tháng vốn gốc bằng 4.500.000 đồng. (Tất cả các lần

giao dịch liên quan đến số nợ trên đều thỏa thuận miệng với nhau, không có giấy tờ gì, chỉ có bà Lê Thị Thu S làm chứng)

Ngoài số nợ trên, khoảng tháng 7/2014 bà T còn cho bà H vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời gian trả vốn gốc là không thời hạn. Bà H đóng lãi cho bà T được sáu tháng với số tiền là 6.000.000 đồng, sau đó bà H không tiếp tục đóng lãi nên bà T có yêu cầu bà H trả số nợ trên, bà H xin mỗi tháng trả cho bà T 300.000 đồng, từ đó bà T không đồng ý và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho bà T toàn bộ số nợ trên. Trong lần vay này, bà H có thể chấp cho bà T giấy chứng nhận QSD đất số CH01882 cấp ngày 09/9/2013 do bà H đứng tên sử dụng.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà T yêu cầu bà H trả tất cả các khoản nợ trên, tổng cộng là 93.000.000 đồng vốn, không tiếp tục tính lãi. Tại tòa bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện khoản nợ từ năm 2009 đến 2014, số tiền 73.000.000 đồng. Bà T chỉ yêu cầu bà H trả khoản nợ 20.000.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi suất. Sau khi bà H trả hết số nợ 20.000.000 đồng này thì bà T sẽ trả lại giấy đất cho bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày tại bản tự khai ngày 02/6/2017: Vào khoảng tháng 7 năm 2014, bà H có vay của bà T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Bà H có thể chấp cho bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01882 cấp ngày 09/9/2013 do bà H đứng tên sử dụng. Nay, bà H xin bà T cho trả mỗi tháng 300.000 đồng đến khi hết nợ để nhận lại giấy chứng nhận QSD đất nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Văn T trình bày: Việc bà H vay mượn nợ của bà T ông không hay biết, ông không có liên quan gì trong vụ án nên ông xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng bà Lê Thị Thu S trình bày: Bà có chứng kiến việc bà T cho bà H vay mượn tiền nhiều lần, nhưng không rõ số tiền cụ thể bao nhiêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; buộc bà H phải trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng. Đồng thời, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền 73.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn cho rằng vào thời điểm khoảng từ năm 2009 đến năm 2014, nguyên đơn có cho bị đơn vay nhiều lần, với tổng số số tiền là 93.000.000 đồng, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía bị đơn trả lại số nợ gốc trên, không yêu cầu tính lãi. Ngược lại, bị đơn chỉ thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng, từ đó các bên phát sinh tranh chấp. Xét, Hợp đồng vay giữa các bên đã được thực hiện trước năm 2017 nên xác định đây là loại hợp đồng vay tài sản theo Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005, quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về tố tụng:

- Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của các đương sự theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Nhận thấy, nguyên đơn khai nhận vào khoảng tháng 7 năm 2014 có cho bị đơn vay số tiền 20 triệu đồng, bị đơn thừa nhận số tiền vay này và thời gian vay như nguyên đơn trình bày. Đến ngày 12/6/2017, nguyên đơn làm đơn khởi kiện (chưa hết 03 năm tính từ ngày nguyên đơn cho bị đơn vay tiền). Đối chiếu với Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện là 03 năm, như vậy thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn trong luật định.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà T yêu cầu bà H trả tất cả các khoản nợ là 93.000.000 đồng vốn, không tiếp tục tính lãi:

Tại tòa, bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện khoản nợ từ năm 2009 đến năm 2014, số tiền 73.000.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này, bà T hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận và cần xem xét đình chỉ giải quyết.

Một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn lại với số tiền 20.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục tính lãi suất, đồng thời cũng không yêu cầu tính lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án. Xét thấy, mặc dù bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có vay mượn của nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để xem xét chấp nhận. Về lãi suất, bên nguyên đơn có khai nhận là đã nhận của bị đơn số tiền là 6.000.000 đồng, bị đơn không có ý kiến gì. Nhưng, xét theo quy định của pháp luật dân sự quy định, tại thời điểm các bên giao dịch hợp đồng theo Điều 476 BLDS năm 2005, lãi suất quy định cho phép các bên thỏa thuận không quá 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố (tương ứng 1,125%/tháng), như vậy, số tiền lãi suất theo quy định là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng (từ tháng 7/2014 đến tháng 6/2017)} = 7.875.000$

đồng, cao hơn số tiền nguyên đơn lấy đã thừa nhận 1.875.000 đồng (7.875.000 đồng – 6.000.000 đồng), vì vậy, việc nguyên đơn đã nhận tiền lãi của bị đơn 6.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không phải xem xét điều chỉnh lại.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì án phí trong vụ án được xác định như sau:

- Án phí dân sự trong vụ án = Tổng giá trị tài sản tranh chấp 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng:

Các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 217 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 471, 474 và 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền **20.000.000** đồng (Hai mươi triệu đồng).

Bà T không yêu cầu tính lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án.

Sau khi bà H thanh toán hết số nợ trên cho bà T, bà T có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01882 cấp ngày 09/9/2013 do bà H đứng tên sử dụng cho bà H.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 73.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Mỹ T được nhận lại 2.213.000 đồng, số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn theo biên lai số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn theo biên lai thu số 001256 ngày 09/5/2017.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại các Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các

Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Ô Môn;
- Thi hành án quận Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Văn Mẫn